

Bản án số: 68/2024/DS-ST
Ngày: 05 / 9 / 2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Vũ và bà Bùi Thị Phương Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M; địa chỉ trụ sở: lầu 5, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Hà Phương Hồng T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2001, là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 7482A/2024/CĐ-AG-/GalaxyDT ngày 24/7/2024);

Bị đơn: Ông Lê Văn T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; (

Bà Nguyễn Thị Thu T1 và ông Lê Văn T2 vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/7/2019, ông Lê Văn T2 có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115 với Công ty M (V) để vay số tiền

51.450.000 đồng; lãi suất cho vay 45%/năm; mục đích sử dụng vốn vay: mua xe; thời hạn vay 24 tháng. Khi vay, ông T2 có ký hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 67E1-380.97.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã trả được số tiền 28.308.000 đồng, kể từ ngày 11/6/2021 đến nay ông T2 không thực hiện đúng cam kết về việc trả nợ gốc, lãi và các phí khác mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Ngày 31/3/2023, khoản nợ của ông T2 được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M khởi kiện yêu cầu ông T2 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 35.453.546 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115 ngày 11-7-2019; hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001 ngày 31-3-2023 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T2 trình bày: ngày 11/7/2019, ông có ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115 với Công ty M để vay số tiền 51.450.000 đồng; mục đích vay để mua xe; lãi suất cho vay 45%/năm; thời hạn vay 24 tháng; sau khi vay ông có trả được số tiền 28.308.000 đồng, thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 35.453.546 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ; tài sản thế chấp là xe mô tô biển số 67E1-380.97 hiện ông đã bán, không còn sử dụng; do đi làm ở xa nên ông yêu cầu được vắng mặt khi xét xử vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Chủ tọa công bố lại lời khai của nguyên đơn, bị đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty M với ông T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ. Việc Công ty M có thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đối với khoản nợ của ông T2 sang cho Công ty TNHH M là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay nên việc Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông T2 trả một lần số tiền vốn gốc còn nợ 35.453.546 đồng là có căn cứ, không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Đối với việc ông T2 đã thế chấp tài sản là xe máy, nhãn hiệu SUZUKI biển kiểm soát 67E1-380.97 để đảm bảo khoản vay với Công ty. Thấy rằng, khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T2 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thi hành án dân sự để đảm bảo thu hồi nợ.

Đối với việc ông T2 xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị căn cứ các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Lê Văn T2 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 35.453.546 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH M (Công ty) khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của Công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

** Về nội dung:*

[3] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 11/7/2019, giữa Công ty M với ông Lê Văn T2 xác lập hợp đồng vay vốn theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115. Đến ngày 31/3/2023, khoản nợ của ông T2 được Công ty M chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo hợp đồng mua bán nợ số VPBSMBCFC-GALAXY-23-0001. Việc Công ty M chuyển giao quyền yêu cầu cho Công ty TNHH M mua bán nợ G không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T2, phù hợp với quy định tại Điều 365, 450 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Công ty TNHH M có quyền khởi kiện yêu cầu ông T2 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115 ngày 11/7/2019 giữa Công ty M với ông Lê Văn T2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20190710-1963115 ngày 11/7/2019, ông T2 được Công ty M cho vay số tiền 51.450.000 đồng. Sau khi vay, ông T2 đã trả được số tiền 28.308.000 đồng và không tiếp tục thanh toán theo hợp đồng từ ngày 11/6/2021. Ông T2 thừa nhận còn nợ Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 35.453.546 đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông T2 trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M, buộc ông Lê Văn T2 trả cho Công ty TNHH M nợ Galaxy vốn gốc còn lại là 35.453.546 đồng.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe máy nhãn hiệu SUZUKISATRIA, biển kiểm soát 67E1-380.97 mang tên Lê Văn T2 để xử lý thu hồi nợ. Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng thế chấp nhưng bị đơn xác nhận có thể chấp lại tài sản để đảm bảo khoản nợ. Do đó, ông T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

Việc ông T2 cho rằng chiếc xe Honda biển kiểm soát 67E1-380.97 hiện nay đã bán, không còn sử dụng nhưng ông T2 không chứng minh được nên sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[6] Về phương thức thanh toán:

Ông T2 yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Cho nên, phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH M là 1.772.677 đồng.

Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 365, 450, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

Buộc ông Lê Văn T2 trả cho Công ty TNHH M số tiền 35.453.546 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Lê Văn T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe mô tô SUZUKISATRIA, biển kiểm soát 67E1-380.97 mang tên Lê Văn T2 theo quy định pháp luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T2 phải chịu 1.772.677 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.154.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003692 ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn M, ông Lê Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc